

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN  
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ  
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

**Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

**Tên viết tắt: LAWACO**

**Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An**

**Điện thoại: 072.3825.114**

**Fax: 072.3826.040**

**Website: www.lawaco.com.vn**

**Người được ủy quyền CBTT: Nguyễn Quốc Phong**

**Chức danh: Kế toán trưởng**

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ     24h     72h     Theo yêu cầu     Khác

**Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thoái vốn cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/3/2017 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

**Long An, ngày 31 tháng 03 năm 2017**

**Người được Ủy quyền Công bố thông tin**

**(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)**



**Nguyễn Quốc Phong**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THOÁI VỐN**

**Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

**A. Giới thiệu về tổ chức thực hiện thoái vốn:**

1. Tên tổ chức thực hiện thoái vốn: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
2. Địa chỉ trụ sở chính: 61 Nguyễn Huệ Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An
3. Điện thoại: 0723826524

**B. Mục đích thoái vốn:**

Việc thoái vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An được thi hành theo Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An; mục tiêu thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An là:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.
- Nhà nước thu hồi vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An thông qua việc thoái vốn để tập trung vào các lĩnh vực nhà nước cần phát triển.
- Phát huy vai trò làm chủ tập thể của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả đồng vốn bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Phát huy được trí tuệ tập thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**C. Cổ phiếu thực hiện thoái vốn:**

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
2. Mã giao dịch: LAW
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu sở hữu: 8.825.000 cổ phiếu chiếm 72,336 % số lượng cổ phiếu đang lưu hành; trong đó:  
Số lượng cổ phiếu được phép tự do chuyển nhượng: 8.825.000 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký bán qua đấu giá: 1.505.000 cổ phiếu
7. Giá khởi điểm: Giá tham chiếu của LAW tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
8. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký bán đăng ký bán trên tổng số cổ phần đang sở hữu: 17,054%
9. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội



10. Phương thức phân phối: Theo phương thức thỏa thuận qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

11. Thời gian dự kiến bán: trong Quý II/2017

**D. Cam kết của tổ chức thực hiện thoái vốn:**

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

**2. Chúng tôi cam kết:**

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về thoái vốn, bán cổ phần;
- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc thực hiện thoái vốn trước khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước có công văn thông báo nhận được hồ sơ công bố thông tin về việc thoái vốn;
- Chịu mọi hình thức xử lý vi phạm các cam kết nêu trên.

**E. Hồ sơ kèm theo:**

1. Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An;

2. Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An; QĐ số 1081/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Long An.

2. Bảng công bố thông tin về việc thoái vốn;

3. Tài liệu chứng minh tổ chức thực hiện thoái vốn là chủ sở hữu hợp pháp số cổ phần đăng ký bán và số cổ phần này được phép tự do chuyển nhượng;

4. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2014, năm 2015 và tại thời điểm 30/6/2016 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.

Long An, ngày 28 tháng 3 năm 2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đước**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

Người đại diện vốn nhà nước



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Phạm Quốc Thắng**



Số: 3599/QĐ-UBND

Long An, ngày 05 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước  
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

CÔNG TY CẤP NƯỚC LONG AN

Số: 355

Ngày: 09/09/16

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ công văn số 2203/TTg-ĐMDN ngày 03/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 2547/TTr- STC ngày 19/8/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An (đính kèm đề án).

**Điều 2.** Thường trực Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức triển khai; đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Đề án.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thường trực Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các ngành là thành viên Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Giám đốc các Công ty có danh sách tại Điều 1 thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh(KT);
- Phòng KT<sub>1</sub>;
- Lưu: VT, Ngan.

PD-ĐE AN TAI CO CAU DN NHA NUOC

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VĂN HỮU

Số: 296/CT.BS quyền

Ngày 02 tháng 09 năm 2017



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Minh Thiện

Nguyễn Văn Đượ



**ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC  
GIAI ĐOẠN 2016-2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN**

(Kèm theo Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh)

**I. Khái quát tình hình sắp xếp và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong thời gian qua**

Từ năm 1995 đến năm 2015, công tác sắp xếp, cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An đã được triển khai khẩn trương. Hiện nay, tỉnh Long An đã cơ bản hoàn thành sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, trong đó:

- Chuyển từ DNNN sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty TNHH MTV): 12 doanh nghiệp.
- Khoán kinh doanh: 01 doanh nghiệp.
- Chuyển từ DNNN sang đơn vị sự nghiệp có thu: 02 doanh nghiệp.
- Cổ phần hoá từ DNNN và từ Công ty TNHH MTV: 28 doanh nghiệp.
- Giải thể: 04 doanh nghiệp.

Đến ngày 31/12/2015 doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An có các loại hình như sau (*chi tiết theo phụ lục đính kèm tờ trình số 2547/TTr-STC ngày 19/8/2016 của Sở Tài chính*):

- Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước gồm 03 doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Long An, Công ty TNHH MTV Đồng Tháp I, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đồng Tháp IV.
- Công ty cổ phần có vốn nhà nước gồm 14 doanh nghiệp, trong đó:
  - + Có 06 Công ty cổ phần nhà nước nắm giữ trên 60% vốn điều lệ.
  - + Có 06 Công ty cổ phần nhà nước nắm giữ từ 51% đến 60% vốn điều lệ.
  - + Có 02 Công ty cổ phần nhà nước nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ.

**II. Đề án tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2016 - 2020**

**1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;



Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2203/TTg-ĐMDN ngày 03/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Long An.

## **2. Mục tiêu**

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Nhà nước thu hồi vốn đầu tư tại các doanh nghiệp thông qua cổ phần hóa và thoái vốn để tập trung đầu tư vào các lĩnh vực nhà nước cần phát triển.

- Phát huy được vai trò làm chủ tập thể của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp, tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả đồng vốn bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

- Phát huy được trí tuệ tập thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Tạo được tính chủ động sáng tạo của doanh nghiệp, không ỷ lại, trông chờ vào đồng vốn nhà nước.

## **3. Nội dung đề án**

3.1. Giữ nguyên loại hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước đối với 03 công ty: Cty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Long An; Công ty TNHH MTV Đồng Tháp I, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đồng Tháp IV.

3.2. Thoái vốn nhà nước đối với các DNNN đã cổ phần hóa hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước; vệ sinh môi trường; quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước:

- Thoái vốn nhà nước, chỉ giữ lại vốn nhà nước tham gia bằng 51% vốn điều lệ tại 09 công ty: Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Long An; Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường; Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Dịch vụ đô thị Bến Lức; Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Dịch vụ đô thị Vĩnh Hưng; Công ty cổ phần Công trình đô thị các huyện: Thủ Thừa, Châu Thành, Cần Đước; Công ty cổ phần Đô thị Tân An và Công ty Cổ phần Giao Thông Long An.

- Thoái vốn nhà nước, chỉ giữ lại vốn nhà nước tham gia bằng 40% vốn điều lệ tại 03 công ty: Công ty cổ phần Đô thị Thạnh Hóa; Công ty cổ phần Đô thị Đức Hòa và Công ty cổ phần Đô thị Tân Hưng.

- Giữ nguyên phần vốn nhà nước tham gia nhỏ hơn hoặc bằng 40% vốn Điều lệ tại 02 công ty: Công ty cổ phần Công trình Đô thị Cần Giuộc; Công ty cổ phần Công trình Đô thị Tân Thạnh.

Lộ trình thoái vốn được thực hiện theo Kế hoạch đính kèm tờ trình số 2547/TTr- STC ngày 19/8/2016 của Sở Tài chính.



### III. Tổ chức thực hiện

Thường trực Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan, hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức triển khai; đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Đề án.

Thường trực Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp làm đầu mối tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án định kỳ 6 tháng và hàng năm./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đước





## PHỤ LỤC

**Các doanh nghiệp do tỉnh Long An quản lý tính đến ngày 31/12/2015**

*(Kèm theo Tờ trình số: 2547/TTr-STC ngày 19/8/2016 của Sở Tài chính)*

### **I/ Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước:**

1. Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết;
2. Công ty TNHH MTV Đồng Tháp I;
3. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đồng Tháp IV;

### **II/ Các công ty CP có vốn nhà nước tham gia trên 60% vốn điều lệ:**

1. Công ty CP Giao thông Long An
2. Công ty CP Cấp thoát nước Long An
3. Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Bến Lức
4. Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Vĩnh Hưng
5. Công ty CP Đô thị Đức Hòa
6. Công ty CP Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường.

### **III/ Các công ty CP có vốn nhà nước tham gia từ 51% đến 60% vốn điều lệ:**

1. Công ty CP Đô thị Tân An
2. Công ty CP Công trình Đô thị Thủ Thừa
3. Công ty CP Công trình Đô thị Châu Thành
4. Công ty CP Công trình Đô thị Cần Đước
5. Công ty CP Đô thị Tân Hưng
6. Công ty CP Đô thị Thạnh Hóa

### **IV/ Các Công ty CP có vốn nhà nước tham gia dưới 51% vốn điều lệ:**

1. Công ty CP Công trình Đô thị Cần Giuộc
2. Công ty CP Công trình Đô thị Tân Thạnh.

Đ  
P  
C  
H  
V  
H  
L





TT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực đầu tư							Kế hoạch thoái vốn từ 2016-2017									
		CK	B H	TC- NH	Qu S	BDS	Khá c	Vốn điều lệ của doanh nghiệp	Vốn nhà nước góp	Tỷ lệ nhà nước năm giữ thực tế	Tỷ lệ nhà nước năm giữ tối đa theo quy	Dự kiến thoái vốn nhà nước			Giá trị vốn nhà nước đầu tư thêm	Tỷ lệ nhà nước năm giữ vốn điều lệ sau	Dự kiến thoái v	
												Giá trị vốn nhà nước	Tỷ lệ %	Giá trị dự kiến thu về			Giá trị vốn nhà nước	Tỷ lệ
							Tr. đ	Tr. đ	%	%	Tr. đ		Tr. đ	Tr. đ		Tr. đ		
							248,383	183,832			18,401		19,453	-		13,430		
1	CTCP Giao thông Long An					x	18,468.90	12,104.90	65.54%	75.00%		0.00%			65.54%		14.5	
2	CTCP cấp thoát nước Long An					x	122,000.00	88,250.00	72.34%	60.00%	15,050.00	12.34%	16,102.00		60.00%		2,685.76	0.0
3	CTCP Đô thị Tân An					x	14,167.00	8,500.20	60.00%	60.00%		0.00%			60.00%		0.0	
4	CTCP Công trình đô thị Thủ Thừa					x	9,062.16	5,437.29	60.00%	60.00%		0.00%			60.00%		815.85	9.0
5	CTCP Công trình đô thị Châu Thành					x	6,885.00	4,131.00	60.00%	60.00%		0.00%			60.00%		0.0	
6	CTCP Công trình đô thị Cần Đước					x	1,177.00	706.20	60.00%	60.00%		0.00%			60.00%		105.93	9.0
7	CTCP Cấp thoát nước và DV đô thị Bến Lức					x	14,227.77	12,399.77	87.15%	60.00%		0.00%			87.15%		5,143.60	36.1
8	CTCP Cấp thoát nước và DV đô thị Vĩnh Hưng					x	9,000.00	8,174.00	90.82%	60.00%		0.00%			90.8%		3,584	39.8
9	CTCP Đô thị Đức Hòa					x	9,400.00	7,111.00	75.65%	60.00%	3,351.00	35.65%	3,351.00		40.0%		0.0	
10	CTCP Cấp thoát nước và môi trường Kiến Tường					x	38,000.00	33,523.00	88.22%	60.00%		0.00%			88.22%		0.0	
11	CTCP đô thị Thanh Hóa					x	3,840.00	2,200.00	57.29%	60.00%		0.00%			57.29%		664	17.2
12	CTCP Đô thị Tân Hưng					x	2,155.00	1,293.00	60.00%	60.00%		0			60.00%		431	20.0





Năm 2017		Kế hoạch thoái vốn từ 2018-2020															Giá trị vốn nhà nước góp tại 31/12/2020	Chi d	
		Năm 2018					Năm 2019					Năm 2020							
Giá trị dự kiến thu về	Giá trị vốn nhà nước đầu tư thêm	Dự kiến thoái vốn nhà nước			Giá trị dự kiến thu về	Giá trị vốn nhà nước đầu tư thêm	Tỷ lệ nhà nước năm giữ vốn điều lệ sau khi thoái vốn/tăng	Dự kiến thoái vốn nhà nước		Giá trị dự kiến thu về	Giá trị vốn nhà nước đầu tư thêm	Tỷ lệ nhà nước năm giữ vốn điều lệ sau khi thoái vốn/tăng	Dự kiến thoái vốn nhà nước		Giá trị dự kiến thu về	Giá trị vốn nhà nước đầu tư thêm			Tỷ lệ nhà nước năm giữ vốn điều lệ sau khi thoái vốn/tăng
20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39
Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ	Tr. đ
18,797	-	51.00%	16,040	-	23,159	-	51.00%	10,980	-	11,748	-	51.00%	-	-	-	-	-	124,981.57	
1,246	-	60.00%	-	-	-	-	60.00%	10,980	9%	11,748	-	51.00%	-	0%	-	-	-	9,419.14	
-	-	60.00%	1,275	9%	1,912	-	51.00%	-	-	-	-	51.00%	-	-	-	-	-	62,220.00	
897	-	51.00%	-	0%	-	-	51.00%	-	-	-	-	51.00%	-	-	-	-	-	7,225.20	
-	-	60.00%	619.65	9%	744	-	51.00%	-	-	-	-	51.00%	-	-	-	-	-	4,621.44	
381	-	51.00%	-	0%	-	-	51.00%	-	-	-	-	51.00%	-	-	-	-	-	3,511.35	
10,537	-	51.00%	-	0%	-	-	51.00%	-	-	-	-	51.00%	-	-	-	-	-	600.27	
3,687	-	51.00%	-	0%	-	-	51.00%	-	-	-	-	51.00%	-	-	-	-	-	7,256.17	
-	-	40.00%	-	0%	-	-	40.00%	-	-	-	-	40.00%	-	-	-	-	-	4,590.00	
-	-	88.22%	14,145	37.22%	20,503	-	51.00%	-	-	-	-	51.00%	-	-	-	-	-	3,760.00	
1,049	-	40.00%	-	0%	-	-	40.00%	-	-	-	-	40.00%	-	-	-	-	-	19,380.00	
1,000	-	40.00%	-	0%	-	-	40.00%	-	-	-	-	40.00%	-	-	-	-	-	1,536.00	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	862.00	

SỞ TÀI C  
 ĐẾN S  
 Ng  
 Chuyên:  
 Lưu hồ sơ



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1081/QĐ-UBND

Long An, ngày 24 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LONG AN

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Số: 13.95.....  
Ngày: 27.10.17.....  
Chuyên:.....  
Lưu hồ sơ số:.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 846/TTr.STC ngày 23/3/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- Theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh: Lộ trình dự kiến thực hiện thoái vốn:

- + Thời gian dự kiến giao dịch: Trong Quý I/2017
- + Thời gian dự kiến kết thúc giao dịch: Trong Quý I/2017

- Điều chỉnh thành: Lộ trình dự kiến thực hiện thoái vốn:

- + Thời gian dự kiến giao dịch: Trong Quý II/2017
- + Thời gian dự kiến kết thúc giao dịch: Trong Quý II/2017

Lý do: Hồ sơ Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An mới được hoàn thành.

**Điều 2.** Quyết định này là một bộ phận không tách rời Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh, những nội dung khác trong Quyết định số 169/QĐ-UBND vẫn còn giá trị thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An và các đơn vị có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT.UBND tỉnh (KT);
- Phòng KT<sub>1</sub>;
- Lưu: VT, Ngan.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VĂN HỮU  
Số:...../CT.UBND tỉnh.....  
Ngày 29 tháng 03 năm 2017

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Võ Minh Thiện*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 169 /QĐ-UBND

Long An, ngày 13 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VĂN HỮU  
Số: 296 /CT.BS quyền 01

tháng 3 năm 2017

**CHỖ CHỮNG VIÊN**  
VĂN PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
LÊ VĂN HỮU

*Võ Minh Thiên*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
Số: 32  
Ngày: 18/01/17  
huyện: .....  
Số sơ số: .....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015,

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của DNNN;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2660/BTC-UBCK ngày 26/2/2015 của Bộ Tài chính về việc thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 112/TTr-STC ngày 06/01/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An, cụ thể như sau:

**1. Phương án thoái vốn:**

1.1 Bán một phần vốn nhà nước đang sở hữu từ 72,34% vốn điều lệ xuống còn 60% vốn điều lệ.

**1.2 Cổ phần thực hiện thoái vốn:**

- Loại cổ phần thực hiện thoái vốn: Cổ phần phổ thông

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

- Mã chứng khoán: LAW

- Số lượng cổ phần nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 8.825.000 cổ phần (tỷ lệ 72,34% vốn điều lệ)

- Số lượng cổ phần thực hiện thoái vốn: 1.505.000 cổ phần

- Mục đích thực hiện giao dịch: Chuyển nhượng do thoái vốn

**1.3 Lộ trình dự kiến thực hiện thoái vốn:**



- Thời gian dự kiến giao dịch: Trong Quý I/2017
- Thời gian dự kiến kết thúc giao dịch: Trong Quý I/2017

1.4 Phương thức thực hiện thoái vốn: Phương thức thỏa thuận trên thị trường Upcom.

1.5 Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1.6 Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần: Là nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**2. Chi phí thực hiện thoái vốn:**

**2.1 Dự toán chi phí thực hiện thoái vốn**

STT	Hạng mục chi phí	Số tiền (Triệu đồng)
1	Chi phí công bố thông tin về doanh nghiệp, đăng báo	9
2	Lệ phí thanh toán cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội: Theo Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán	0,3% trên tổng giá trị cổ phần/mỗi loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán
3	Chi phí hoạt động và thù lao của Ban chỉ đạo thoái vốn và tổ giúp việc	1/Người/tháng

2.2 Nguồn chi trả: Được trừ vào tiền thu bán phần vốn nhà nước.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính hướng dẫn Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An thực hiện quy định tại điều 1 quyết định này và các nội dung liên quan đến thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Giám đốc, Người Đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An và các đơn vị có liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
  - CT, PCT.UBND tỉnh(KT);
  - Phòng KT<sub>1</sub>;
  - Lưu: VT, THY.
- PHUONG AN THOAI VON-CTY CAP NUOC LONG AN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Được



Số: 97 /BB-STC

Long An, ngày 05 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CẤP NƯỚC LONG AN

Số: 12  
ĐẾN Ngày: 07/01/17  
Chuyên: .....  
Số hồ sơ số: ...

**BIÊN BẢN HỌP**

**VỀ VIỆC THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG AN**

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VĂN HỮU  
Số: 296 /CT.BS quyền 01  
Ngày 02 tháng 03 năm 2017



*Kinh Miền Thiên*

Hôm nay, ngày 05 tháng 01 năm 2017  
Tại Văn phòng Sở Tài chính Long An.

Thành phần tham dự:

1/ Đại diện Sở Tài chính:

- Ông Phan Thanh Quan - Phó Giám đốc Sở Tài chính
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Trưởng phòng TCDN
- Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng - Chuyên viên phòng TCDN

2/ Đại diện Văn phòng UBND tỉnh :

- Ông Trần Lê Anh Thy - Phó trưởng phòng Nghiên cứu

3/ Đại diện Sở Kế hoạch & Đầu tư Long An:

- Ông Phan Thành Kiệt - Chuyên viên phòng ĐKKD

4/ Đại diện Sở Nội vụ:

- Ông Lê Vinh - Phó Giám đốc
- Ông Lâm Ngọc Truyền - Trưởng phòng Công chức viên chức

5/ Đại diện Sở Lao động thương binh và Xã hội:

- Ông Châu Công Rỡ - Trưởng phòng Lao động việc làm

6/ Đại diện Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An:

- Ông Phạm Quốc Thắng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Quốc Phong - Kế toán trưởng

**Nội dung cuộc họp:**

Thẩm định phương án thoái vốn của Công ty CPCấp thoát nước Long An.  
Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-TTg ngày 15/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 2660/BTC-UBCK ngày 26/2/2015 của Bộ Tài chính về việc thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An;



Công văn số 4941/UBND-KT ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Long An về việc thực hiện thoái vốn thuộc sở hữu nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An và Công ty Cổ phần Đô thị Đức Hòa;

Căn cứ Phương án thoái vốn Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An do Công ty lập,

Sau khi nghe Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An trình bày Phương án thoái vốn các thành viên dự họp phân tích, thống nhất thẩm định Phương án thoái vốn Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An như sau:

1. Mục tiêu thoái vốn:

Thực hiện mục tiêu của UBND tỉnh ghi trong Quyết định số 3599/QĐ UBND ngày 05/9/2016, mục tiêu thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An là:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Nhà nước thu hồi vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An thông qua việc thoái vốn để tập trung vào các lĩnh vực nhà nước cần phát triển.

- Phát huy vai trò làm chủ tập thể của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả đồng vốn bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

- Phát huy được trí tuệ tập thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2. Phương án thoái vốn:

2.1 Bán một phần vốn nhà nước đang sở hữu từ 72,34% vốn điều lệ xuống còn 60% vốn điều lệ.

2.2 Cổ phần thực hiện thoái vốn:

- Loại cổ phần thực hiện thoái vốn: Cổ phần phổ thông

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

- Mã chứng khoán: LAW

- Số lượng cổ phần nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 8.825.000 cổ phần (tỷ lệ 72,34% vốn điều lệ)

- Số lượng cổ phần thực hiện thoái vốn: 1.505.000 cổ phần

- Mục đích thực hiện giao dịch: Chuyển nhượng do thoái vốn

- Phương thức giao dịch: Thỏa thuận.

2.3 Lộ trình dự kiến thực hiện thoái vốn:

- Thời gian dự kiến giao dịch: Trong Quý I/2017

- Thời gian dự kiến kết thúc giao dịch: Trong Quý I/2017

2.4 Phương thức thực hiện thoái vốn: Phương thức thỏa thuận trên thị trường Upcom.

2.5 Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch chứng khoán H Nội.



2.6 Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần: Là nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2.7 Chi phí thực hiện thoái vốn:

- Dự toán chi phí thực hiện thoái vốn

STT	Hạng mục chi phí	Số tiền (Triệu đồng)
1	Chi phí công bố thông tin về doanh nghiệp, đăng báo	9
2	Lệ phí thanh toán cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội: Theo Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật chứng khoán	0,3% trên tổng giá trị cổ phần/mỗi loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán
3	Chi phí hoạt động và thù lao của Ban chỉ đạo thoái vốn và tổ giúp việc	1/Người/tháng

- Nguồn chi trả: Được trừ vào tiền thu bán phần vốn nhà nước.

Biên bản cuộc họp này là cơ sở để Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Cuộc họp kết thúc lúc 10 giờ 30 cùng ngày, các thành viên dự họp đều thống nhất ký tên./.

ĐD Văn phòng UBND tỉnh



Trần Lê Anh Thy

Đại diện Sở Tài chính

Phó Giám đốc  


Phan Thanh Quan

ĐD Sở KHĐT



Phan Thành Kiệt

ĐD Sở Nội vụ

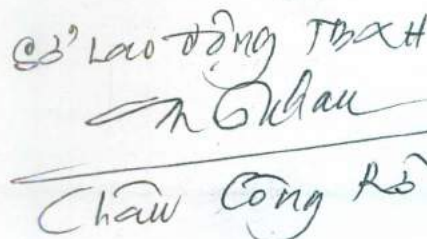


Lê Vinh

ĐD Cty CP CTN Long An



Phạm Quốc Thắng

ĐD Lao động TĐXH  
  
 Châu Công Rõ



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh phúc

Số: 11941/UBND-KT

Long An, ngày 11 tháng 11 năm 2016

V/v thực hiện thoái vốn thuộc sở hữu nhà nước tại Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An và Công ty cổ phần đô thị Đức Hòa

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VĂN HỮU  
Số: 296/CT.BS quyền/2017  
Ngày 2 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CẤP NƯỚC LONG AN	
Số: 4.62	ĐẾN
Ngày: 01.12.16	Ngày: 01.12.16
Chuyển: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

Kính gửi:

- Sở Tài chính; Sở Nội vụ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An;
- Công ty cổ phần đô thị Đức Hòa.



*Võ Minh Thiện*

Xét tờ trình số 3749/TTr.STC ngày 18/11/2016 của Sở Tài chính về việc đề nghị thực hiện thoái vốn thuộc sở hữu nhà nước tại Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An và Công ty cổ phần đô thị Đức Hòa (đính kèm),

Về vấn đề này, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện như sau:

- Thống nhất đề xuất của Sở Tài chính tại tờ trình nêu trên.
- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan triển khai chủ trương trên theo đúng quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - CT, PCT.UBND tỉnh (KT);
  - Phòng KT1;
  - Lưu: VT.THY
- THOAI VON-CTY CAP NUOC-CTY DUC HOA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Văn Được*



Số: 3749 /TTr.STC

Long An, ngày 18 tháng 11 năm 2016

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VĂN HỮU  
Số: 296 /CT.BS quyền 01  
Ngày 2 tháng 8 năm 2017

UBND TỈNH LONG AN  
VĂN PHÒNG  
Số: 5687  
Ngày: 21/11/2016  
Chuyên: ĐK



## TỜ TRÌNH

Về việc xin chủ trương thực hiện thoái vốn  
thuộc sở hữu nhà nước tại Công ty Cổ phần



Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của DNNN;

Căn cứ Công văn số 2660/BTC-UBCK ngày 26/02/2015 của Bộ Tài chính về việc thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ thông báo cuộc họp số 370/TB-SKHĐT ngày 14/11/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai kế hoạch thoái vốn nhà nước Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An và Công ty Cổ phần Đô thị Đức Hòa.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh - Chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại các công ty cổ phần xem xét, cho ý kiến về chủ trương thực hiện thoái vốn thuộc sở hữu nhà nước tại Công ty Cổ phần, cụ thể như sau:

- Hình thức thoái vốn thuộc sở hữu nhà nước tại Công ty cổ phần:
  - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An thực hiện bán đấu giá trên thị trường Upcom.
  - Công ty Cổ phần Đô thị Đức Hòa tự tổ chức bán đấu giá tại doanh nghiệp.
- Việc tổ chức thoái vốn sở hữu nhà nước tại Công ty cổ phần:

- Thành lập Hội đồng đấu giá bán cổ phần tại các Công ty cổ phần có vốn nhà nước gồm các Sở, ngành sau: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động thương binh và Xã hội, Người Đại diện tại các Công ty Cổ phần có vốn nhà nước.

- Người Đại diện tại các Công ty Cổ phần có vốn nhà nước thực hiện trình tự thoái vốn theo quy định tại cứ Công văn số 2660/BTC-UBCK ngày 26/02/2015 của Bộ Tài chính về việc thoái vốn thông qua đấu giá cổ phần.

3. Chi phí thực hiện thoái vốn:

- Trừ vào tiền thu bán cổ phần thuộc sở hữu nhà nước.
- Trường hợp không bán được cổ phần thuộc sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần thì trừ vào cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước.

Kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Lưu VT, TCDN-DH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
P. GIÁM ĐỐC**



**Phan Thanh Quan**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

## **BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**VỀ VIỆC THOÁI VỐN CỔ PHẦN CỦA ỦY BAN  
NHÂN DÂN TỈNH LONG AN ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ  
PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**



### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.
- Mã chứng khoán: LAW
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần thực hiện thoái vốn: 1.505.000 cổ phần
- Phương thức: theo Khoản 4 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP
- Điều kiện: theo Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP



**MỤC LỤC**

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	3
1. Tổ chức thực hiện thoái vốn .....	3
2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn.....	3
<b>II. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....	3
<b>III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2014/QĐ-TTg</b> .....	4
1. Giới thiệu về tổ chức thực hiện thoái vốn .....	4
2. Mối quan hệ với Công ty có cổ phiếu được thoái vốn .....	4
3. Số cổ phiếu sở hữu .....	4
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOÁI VỐN</b> .....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	4
2. Một số thông tin cơ bản về Công ty .....	6
3. Ngành nghề kinh doanh.....	6
4. Cơ cấu tổ chức công ty .....	7
4.1 Cơ cấu tổ chức công ty.....	7
4.2 Cơ cấu cổ đông Công ty .....	9
4.2.1 Cơ cấu cổ đông tính đến 30/9/2016.....	9
4.2.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ.....	9
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất (nếu có).....	10
6. Các chỉ tiêu tài chính trong 2 năm gần nhất .....	10
7. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	11
8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:.....	11
9. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thoái vốn.....	11
<b>V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN</b> .....	11
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông .....	11



2. Mệnh giá.....	11
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến thoái vốn .....	11
4. Giá khởi điểm đấu giá .....	11
5. Phương pháp tính giá: .....	11
6. Phương thức thoái vốn .....	12
7. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần .....	12
8. Thời gian thực hiện thoái vốn .....	12
9. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến.....	12
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	12
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng .....	12
12. Các loại thuế có liên quan .....	12

**VI. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN.....**12

**VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT THOÁI VỐN.....**13

1. Tổ chức thực hiện thoái vốn.....	13
2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn .....	13
3. Tổ chức kiểm toán.....	13

**VIII. BÁO CÁO CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY .....**13

## NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### 1. Tổ chức thực hiện thoái vốn

- Tên tổ chức thực hiện thoái vốn: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
- Trụ sở chính: 61 Nguyễn Huệ Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An
- Điện thoại: 0723826524

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bảng công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

#### 2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
- Trụ sở chính: 250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
- Điện thoại: 072.3825114
- Số Fax: 072.3826040
- Website: [www.lawaco.com.vn](http://www.lawaco.com.vn)
- Email: [info@lawaco.com.vn](mailto:info@lawaco.com.vn)
- Người đại diện: Ông Phạm Quốc Thắng
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### II. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bảng công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Công ty:** là Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An
- **Cổ phần:** là vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau
- **Cổ đông:** là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần cấp thoát nước

Long An.

- **Cổ tức:** là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An.

- **ĐKKD:** là Đăng ký kinh doanh
- **CBCNV:** là Cán bộ công nhân viên
- **VND:** là Việt Nam đồng
- **HĐQT:** là Hội đồng quản trị
- **UBND:** là Ủy ban Nhân dân



### III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOÁI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2014/QĐ-TTg

#### 1. Giới thiệu về tổ chức thực hiện thoái vốn

- Tên đầy đủ: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
- Trụ sở chính: 61 Nguyễn Huệ Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An
- Điện thoại: (072)3826524

#### 2. Mọi quan hệ với Công ty có cổ phiếu được thoái vốn:

Ủy ban nhân dân tỉnh Long An là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An, sở hữu 8.825.000 cổ phần, tương đương 72,336 % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An.

#### 3. Số cổ phiếu sở hữu:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An.
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 8.825.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu thoái vốn: 1.505.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An: 12.200.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 72,336 %
- Tỷ lệ cổ phiếu thoái vốn/số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12,336 %
- Tỷ lệ cổ phiếu thoái vốn/số lượng cổ phiếu sở hữu: 17,054%

### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC THOÁI VỐN

#### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1956	Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An. Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
1979	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.
1992	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực



	thuộc Sở Xây dựng Long An.
2007	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m <sup>3</sup> /ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh
2009	Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.
2013	Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thanh công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).
2015	Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng. Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.



**2. Một số thông tin cơ bản về Công ty:**

- **Tên đầy đủ:** CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

- **Tên giao dịch quốc tế:** LONG AN WATER SUPPLY SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

- **Địa chỉ:** 250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

- **Số điện thoại:** 072.3825114

- **Số Fax:** 072.3826040

- **Website:** www.lawaco.com.vn

- **Email:** [info@lawaco.com.vn](mailto:info@lawaco.com.vn)

- **Mã chứng khoán:** LAW

- **Logo doanh nghiệp:**



- **Vốn điều lệ đăng ký:** 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)

- **Vốn điều lệ thực góp:** 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)

- **Ngày trở thành công ty đại chúng:** 15/05/2015

- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Quốc Thắng

Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- **Giấy CNĐKDN:** số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 30/06/2016.

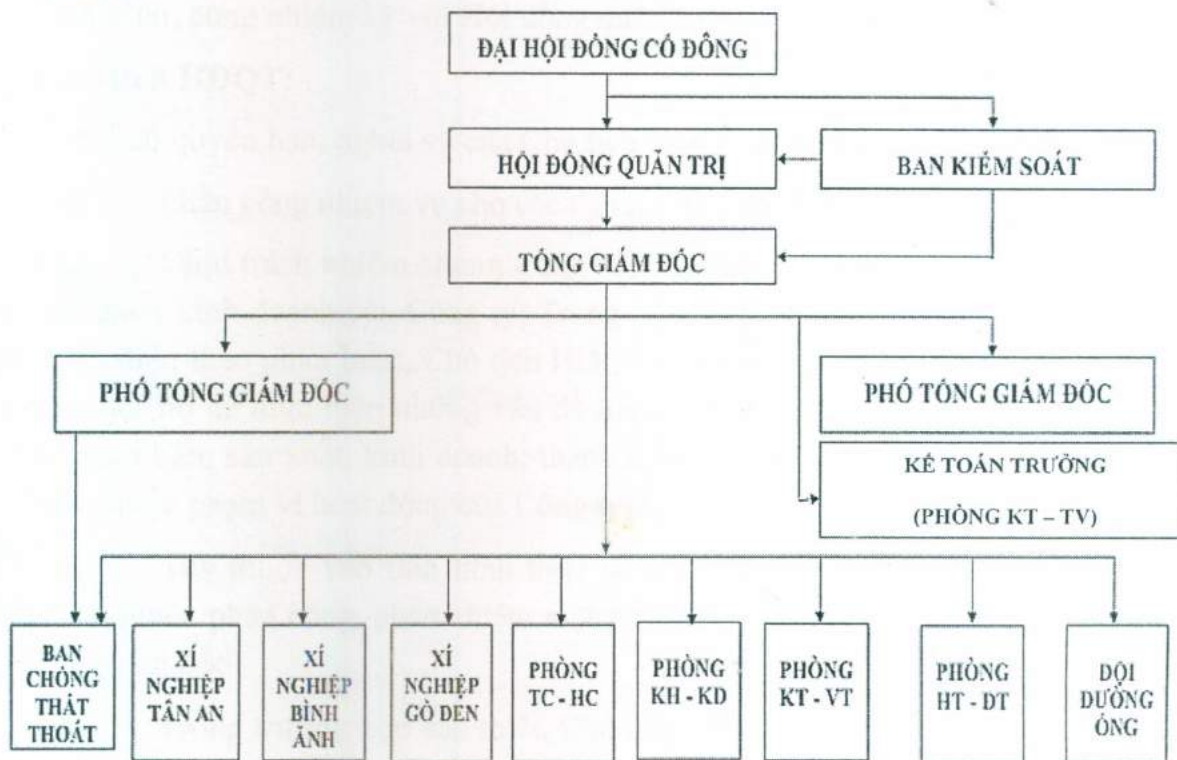
**3. Ngành nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai	1104 (Chính)
2	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước.	7410
3	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư- thiết bị cấp nước	4663

4. Cơ cấu tổ chức công ty

4.1 Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với bộ máy quản lý như sau :



**Đại hội đồng cổ đông:**

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

**Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An có 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm (2013-2019)



**Ban kiểm soát:**

Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát có 03 thành viên, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị.

**Chủ tịch HĐQT:**

Một số quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT được quy định chi tiết như sau:

- a) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của HĐQT;
- b) Chịu trách nhiệm chung trong việc tổ chức, thực hiện đối với toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Trong phạm vi thẩm quyền (của Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật), Chủ tịch HĐQT quyết định ban hành các quy chế, quy trình, quy định nội bộ để thực hiện những vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, nhân sự; vật tư, xây dựng cơ bản; sản xuất, kinh doanh; thanh kiểm tra nội bộ; tài chính kế toán; và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi hoạt động của Công ty;
- c) Tùy thuộc vào tình hình thực tế của Công ty trong từng giai đoạn, Chủ tịch HĐQT có quyền phân công, phân nhiệm một phần hoặc toàn bộ công việc cho các thành viên Ban tổng giám đốc
- d) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định thành lập các tổ công tác (có thời hạn) để giải quyết những công việc cụ thể của Công ty, thù lao của tổ công tác này do Chủ tịch HĐQT quyết định.
- e) Chủ tịch HĐQT trực tiếp quản lý hoặc ủy quyền cho người khác quản lý các ban quản lý dự án của Công ty.
- f) Chủ tịch HĐQT quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư; hoặc quyết định duyệt chi tài chính; hoặc ký kết các hợp đồng mua/bán tài sản/hợp đồng khác có giá trị dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; Phê duyệt các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ một (01) tỷ đến năm (05) tỷ đồng Việt Nam hoặc quyết định các khoản đầu tư đến 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

**Tổng Giám đốc:**

- a) Tổng Giám đốc là người quản lý, điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT.
- b) Những quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT có thể phân công cho Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện một số công việc sau:



- Giúp Chủ tịch HĐQT điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty nhằm đạt được những mục tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ và HĐQT đề ra; và
- Phụ trách sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp trực thuộc; và
- Phụ trách Ban Chống thất thoát.
- Tổng Giám đốc Công ty xin ý kiến thông qua của Chủ tịch HĐQT trước khi quyết định những vấn đề liên quan đến tài chính của Công ty theo quy định tại khoản c điều 16 Quy chế quản trị; và
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

#### 4.2 Cơ cấu cổ đông Công ty

##### 4.2.1 Cơ cấu cổ đông tính đến 30/6/2016:

**Bảng số 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/6/2016:**

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	122	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	120	1.804.280	18.042.800.000	14,79
2	Cổ đông tổ chức	02			
2.1	UBND tỉnh Long An		8.825.000	88.250.000.000	72,336
2.2	Công ty cổ phần đầu tư VSD		1.570.720	15.707.200.000	12,874
<b>II</b>	<b>Cổ đông ngoài nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>122</b>	<b>12.200.000</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100</b>

##### 4.2.2 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

**Bảng số 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/9/2016:**

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	UBND tỉnh Long An	8.825.000	72,336
2	Công ty cổ phần đầu tư VSD	1.520.720	12,874
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.825.000</b>	<b>85,21</b>



**5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	(%)2015/2014	30.6.2016
Tổng giá trị tài sản	256.181.796.493	254.401.718.651	-0,69	273.261.210.362
Vốn chủ sở hữu	127.562.299.782	130.494.570.672	2,30	145.399.805.911
Nợ phải trả	128.619.496.711	123.907.147.979	-3,66	127.861.404.451
Nợ ngắn hạn	45.001.419.873	34.520.756.300	23,29	27.380.042.613
Tài sản ngắn hạn	36.856.709.023	29.054.587.008	-21,17	40.810.862.311
Hàng tồn kho	19.508.542.172	15.190.933.545	22,13	14.962.451.700
Doanh thu thuần	86.025.823.839	53.804.156.722	11,75	57.851.461.947
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.742.933.250	13.831.986.784	17,79	11.462.290.223
Lợi nhuận khác	256.531.230	184.039.000	-28,26	270.193.326
Lợi nhuận trước thuế	11.999.464.480	14.016.025.784	16,80	11.732.483.549
Lợi nhuận sau thuế	9.132.601.589	10.932.500.112	19,71	10.559.235.194

**6. Các chỉ tiêu tài chính trong 2 năm gần nhất**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: $\frac{\text{TSLĐ/Nợ ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	0,82	0,84
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	0,39	0,40
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	50	48,71
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	100,83	94,95
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	Lần	2,76	4
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	33,58	37,79



<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			-
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,62	11,37
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,16	8,38
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,56	4,30
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,65	14,39
+ Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	VND	339	357

*Nguồn: Tổng hợp dựa trên báo cáo tài chính đã kiểm toán 2014 và 2015*

**7. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Doanh thu	97.758.000.000	1,69
Lợi nhuận sau thuế	11.440.000.000	4,64
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần(%)	11,70	2,9
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(%)	7,73	-7,75
Cổ tức	400	12

*Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước LA*

**8. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:** Không có

**9. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu thoái vốn:** Không có

**V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN**

**1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần



**3. Tổng số cổ phiếu dự kiến thoái vốn:** 1.505.000 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 12,336 % tổng số cổ phiếu đang lưu hành)

**4. Giá khởi điểm đấu giá:** Giá tham chiếu của LAW tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**5. Phương pháp tính giá:**

**6. Phương thức thoái vốn:** Theo phương thức thỏa thuận qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**7. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần:** Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**8. Thời gian thực hiện thoái vốn:** Quý II/2017

**9. Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến:**

Thời gian làm thủ tục đăng ký mua cổ phiếu cũng như các thông tin khác có liên quan được quy định cụ thể tại Quy chế bán đấu giá của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Long An do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

**10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan. Nhà đầu tư nước ngoài được mua theo quy định hiện hành.

**11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:** Không có

**12. Các loại thuế có liên quan:** Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế theo đúng quy định của pháp luật.

## VI. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN

Việc thoái vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An được thi hành theo Quyết định số 3599/QĐ-UBND ngày 05/9/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Long An; mục tiêu thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An là:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.
- Nhà nước thu hồi vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An thông qua việc thoái vốn để tập trung vào các lĩnh vực nhà nước cần phát triển.
- Phát huy vai trò làm chủ tập thể của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả đồng vốn bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Phát huy được trí tuệ tập thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.



- Tạo được tính chủ động sáng tạo của doanh nghiệp, không ỷ lại, trông chờ vào đồng vốn nhà nước.

**VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT THOÁI VỐN**

**1. Tổ chức thực hiện thoái vốn:**

**ỦY BAN NHÂN TỈNH LONG AN**

Địa chỉ: 61 Nguyễn Huệ Phường 1, TP Tân An, tỉnh Long An

Điện thoại: (84-072)3826524

**2. Tổ chức có cổ phiếu được thoái vốn:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

Địa chỉ: 250 – Hùng Vương – Phường 4 – TP.Tân An – Long An

Điện thoại: (84-072)3825114

Fax (84-072)3826040

**3. Tổ chức kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

**Văn phòng TP HCM:**

Địa chỉ:Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38406618

Fax: (08-8) 38406616

**VIII. BÁO CÁO CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY**

Các thông tin tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An trong Bản Công bố thông tin được trích từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014, 2015 và báo cáo tài chính quyết toán từ 01/01/2016 đến 30/09/2016. Các thông tin Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An nêu trên của Bảng công bố thông tin này là chính xác./.

Long An, ngày 28 tháng 3 năm 2017

**ỦY BAN NHÂN TỈNH LONG AN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đước**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

Người đại diện vốn nhà nước



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Phạm Quốc Thăng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01/10/2013 ĐẾN NGÀY 31/12/2014**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Trung Cang	Thành viên
Ông Võ Quốc Lương	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Bà Giao Thị Yến	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Quốc Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Trung Cang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Bạ	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Quốc Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015



Số: 011 /VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/02/2015, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Trong giá trị tài sản cố định vô hình có giá trị Quyền sử dụng đất là 1.477.835.000 đồng. Đây là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An ; 239m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An – Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn). Các Quyền sử dụng đất này được hình thành từ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An (tên trước khi cổ phần hóa của Công ty) với các cá nhân chuyển nhượng. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty chưa hoàn thành việc chuyển Quyền sử dụng đất từ các cá nhân sang tên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)


### *Vấn đề khác*

Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013, đồng thời Công ty đã ghi nhận số liệu tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 cấp lần 3 ngày 01/10/2013 (cấp lần đầu ngày 12/7/2007), vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 135 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2014, đã qua 15 tháng nhưng các cổ đông sáng lập của Công ty vẫn chưa góp đủ số vốn điều lệ theo đăng ký.



  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Minh Hùng**  
**Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Tp. HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2015*

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2013-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/10/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>36.856.709.023</b>	<b>24.855.548.957</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.499.819.453</b>	<b>1.829.830.804</b>
1. Tiền	111		4.499.819.453	1.829.830.804
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.537.107.085</b>	<b>7.422.144.072</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	8.537.107.085	7.422.144.072
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.644.314.825</b>	<b>1.616.463.910</b>
1. Phải thu khách hàng	131		379.396.675	435.376.160
2. Trả trước cho người bán	132	7	1.765.073.150	681.242.750
3. Các khoản phải thu khác	135	8	499.845.000	499.845.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>19.508.542.172</b>	<b>12.012.599.721</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.508.542.172	12.012.599.721
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.666.925.488</b>	<b>1.974.510.450</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		293.850.736	788.017.402
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154	10	1.025.163.014	942.156.046
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	347.911.738	244.337.002
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250+ 260)</b>	<b>200</b>		<b>219.325.087.470</b>	<b>226.243.248.128</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>219.325.087.470</b>	<b>225.943.248.128</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	217.441.679.615	218.497.119.729
- Nguyên giá	222		335.051.945.284	312.032.471.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.610.265.669)	(93.535.351.878)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.662.405.618	1.683.567.669
- Nguyên giá	228		1.751.741.000	1.712.941.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(89.335.382)	(29.373.331)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	221.002.237	5.762.560.730
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>300.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>256.181.796.493</b>	<b>251.098.797.085</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/10/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>128.619.496.711</b>	<b>128.228.617.349</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.501.419.873</b>	<b>23.147.161.767</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	7.930.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	15	11.286.561.836	4.653.814.920
3. Người mua trả tiền trước	313		771.097.063	148.543.104
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	471.803.854	1.246.024.238
5. Phải trả người lao động	315		2.821.842.841	576.978.625
6. Chi phí phải trả	316		1.000.000.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	17.967.765.648	14.410.673.813
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.252.348.631	2.111.127.067
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.118.076.838</b>	<b>105.081.455.582</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		500.000.000	500.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	83.618.076.838	104.581.455.582
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>127.562.299.782</b>	<b>122.870.179.736</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>127.562.299.782</b>	<b>122.870.179.736</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.505.614.984	113.505.614.984
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.616.485.438	7.069.946.901
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.440.199.360	2.294.617.851
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>256.181.796.493</b>	<b>251.098.797.085</b>



Phạm Quốc Thắng  
 Tổng Giám đốc  
 Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong  
 Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	105.342.872.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	105.342.872.888
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	66.417.573.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.925.299.474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	554.094.032
7. Chi phí tài chính	22	24	6.521.438.480
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		6.521.438.480
8. Chi phí bán hàng	24		4.398.910.037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.715.284.117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		14.843.760.872
11. Thu nhập khác	31		496.103.443
12. Chi phí khác	32		194.781.830
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		301.321.613
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15.145.082.485
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	3.653.267.392
16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế (50=50-51)	60		11.491.815.093
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.012



Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

Phạm Quốc Thắng  
Tổng Giám đốc  
Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	15.145.082.485
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	2	24.475.645.842
- (Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	5	554.094.032
- Chi phí lãi vay	6	6.521.438.480
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu động	8	46.696.260.839
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(1.214.432.619)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(7.495.942.451)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	9.756.989.541
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	494.166.666
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.521.438.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.599.752.420)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.185.941.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.929.909.622
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(17.857.485.184)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.114.963.013)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	300.000.000
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(554.094.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.226.542.229)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.033.378.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.033.378.744)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.669.988.649
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.829.830.804
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.499.819.453



Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần.

Phạm Quốc Thắng  
Tổng Giám đốc  
Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 03 ngày 01/10/2013 về việc chính thức chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 126 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống thoát nước;
- Thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Dịch vụ khoan giếng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty sau khi Công ty chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty Cổ phần.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc, thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-45
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	05-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tiền mặt	352.495.418	117.823.074
Tiền gửi ngân hàng	4.147.324.035	1.712.007.730
<b>Cộng</b>	<b>4.499.819.453</b>	<b>1.829.830.804</b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	8.537.107.085	7.422.144.072
<b>Cộng</b>	<b>8.537.107.085</b>	<b>7.422.144.072</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Trả trước dự án Nhà máy nước Bảo Định giai đoạn I	619.989.650	619.989.650
Trả trước Công trình ống D300 TL832 - An Nhựt Tân	865.000.000	-
Trả trước khác	280.083.500	61.253.100
<b>Cộng</b>	<b>1.765.073.150</b>	<b>681.242.750</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Phải thu tiền cổ phần hóa	499.845.000	499.845.000
<b>Cộng</b>	<b>499.845.000</b>	<b>499.845.000</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.508.542.172	12.012.599.721
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>19.508.542.172</b>	<b>12.012.599.721</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>19.508.542.172</b>	<b>12.012.599.721</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	1.025.163.014	286.794.864
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.520.547
Thuế tài nguyên	-	635.840.635
<b>Cộng</b>	<b>1.025.163.014</b>	<b>942.156.046</b>

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	5	5
Tạm ứng	347.911.733	244.336.997
<b>Cộng</b>	<b>347.911.738</b>	<b>244.337.002</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/10/2013	197.978.738.364	20.942.832.288	91.060.291.563	2.050.609.392	312.032.471.607
Mua trong năm	-	231.850.088	-	30.000.000	261.850.088
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.378.713.959	3.514.687.459	7.883.866.262	1.321.125.909	23.098.393.589
Thanh lý	(340.770.000)	-	-	-	(340.770.000)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>208.016.682.323</b>	<b>24.689.369.835</b>	<b>98.944.157.825</b>	<b>3.401.735.301</b>	<b>335.051.945.284</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/10/2013	51.488.572.089	8.173.828.971	32.669.970.284	1.202.980.534	93.535.351.878
Khấu hao trong năm	15.309.852.324	2.313.737.342	6.551.709.951	240.384.174	24.415.683.791
Thanh lý	(340.770.000)	-	-	-	(340.770.000)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>66.457.654.413</b>	<b>10.487.566.313</b>	<b>39.221.680.235</b>	<b>1.443.364.708</b>	<b>117.610.265.669</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/10/2013	146.490.166.275	12.769.003.317	58.390.321.279	847.628.858	218.497.119.729
Tại ngày 31/12/2014	141.559.027.910	14.201.803.522	59.722.477.590	1.958.370.593	217.441.679.615

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.069.456.079 VND.

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/10/2013	1.477.835.000	235.106.000	1.712.941.000
Mua trong năm	-	38.800.000	38.800.000
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>1.477.835.000</b>	<b>273.906.000</b>	<b>1.751.741.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/10/2013	-	29.373.331	29.373.331
Khấu hao trong năm	-	59.962.051	59.962.051
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>-</b>	<b>89.335.382</b>	<b>89.335.382</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/10/2013	1.477.835.000	205.732.669	1.683.567.669
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>1.477.835.000</b>	<b>184.570.618</b>	<b>1.662.405.618</b>

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An ; 239m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An – Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/10/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình cải tạo giếng số 6, 7, 9 - Xí nghiệp Bình Ảnh	-	3.088.337.182
Công trình lắp đặt ống D500 Tỉnh lộ 10	104.793.636	104.793.636
Công trình cải tạo giếng khoan khai thác G10 - Xí nghiệp Bình Ảnh	-	1.034.884.000
Công trình khác	116.208.601	1.534.545.912
<b>Cộng</b>	<b>221.002.237</b>	<b>5.762.560.730</b>

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

<b>Tại ngày 01/10/2013</b>	<b>5.762.560.730</b>
Tăng trong năm	17.556.835.096
Kết chuyển tài sản cố định trong năm	(23.098.393.589)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>221.002.237</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/10/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty liên doanh Hóa nhựa Đệ Nhất	4.176.832.440	-
Công ty Cổ phần Hawaco	1.733.570.300	-
Công ty TNHH Ha Đạt	1.012.816.200	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	1.006.250.036	-
Công ty TNHH Thương mại NTP	748.347.600	431.025.650
Công ty Cổ phần KTMT Khang Ngọc	-	107.250.000
Phải trả người bán khác	2.608.745.260	4.115.539.270
<b>Cộng</b>	<b>11.286.561.836</b>	<b>4.653.814.920</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/10/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	299.539.210	1.246.024.238
Thuế thu nhập cá nhân	1.825.284	-
Thuế tài nguyên	170.439.360	-
<b>Cộng</b>	<b>471.803.854</b>	<b>1.246.024.238</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/10/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	30.000.000	30.305.680
Công ty Cổ phần Công nghiệp Long An	5.499.285.000	6.549.285.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	7.574.639.663	7.684.433.671
Cổ tức phải trả	4.472.532.029	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	391.308.956	146.649.462
<b>Cộng</b>	<b><u>17.967.765.648</u></b>	<b><u>14.410.673.813</u></b>

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/10/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn		
<i>Quỹ Đầu tư và Phát triển (i)</i>	-	3.000.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (ii)</i>	83.618.076.838	101.581.455.582
<b>Cộng</b>	<b><u>83.618.076.838</u></b>	<b><u>104.581.455.582</u></b>

(i) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển theo hợp đồng vay số 07/2012.HĐTD ngày 13 tháng 11 năm 2012 với số tiền vay hạn mức là 3.500.000.000 VND, với mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 3 năm 2 tháng, với lãi suất vay là 12,6%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là hệ thống cấp nước Khu đô thị Gò Đen giai đoạn II theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HDTCTS-QDTPT ngày 13/11/2012.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22 tháng 3 năm 2004, phụ lục số 01PL/TDNN.2006 ngày 31 tháng 3 năm 2006, phụ lục số 02PL/TDNN.2007 ngày 12 tháng 7 năm 2007 và phụ lục số 03/2010/HĐODA-NHPTVN năm 2010, với mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	7.930.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	25.720.000.000
Sau năm năm	57.898.076.838
<b>Cộng</b>	<b><u>91.548.076.838</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>7.930.000.000</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>83.618.076.838</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/10/2013	113.505.614.984	7.069.946.901	2.294.617.851	-	122.870.179.736
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.491.815.093	11.491.815.093
Trích cổ tức trong năm	-	-	-	(4.472.532.029)	(4.472.532.029)
Trích quỹ trong năm	-	3.546.538.537	1.145.581.509	(6.983.283.064)	(2.291.163.018)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>113.505.614.984</u>	<u>10.616.485.438</u>	<u>3.440.199.360</u>	<u>-</u>	<u>127.562.299.782</u>

Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận trong Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 26/9/2013, Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận với giá trị là 11.491.815.093 VND như sau:

- Chia cổ tức năm 2014: 4.472.532.029 VND.
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 36.000.000 VND.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.291.163.018 VND (tương đương 20% lợi nhuận sau thuế 2014).
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 3.546.538.537 VND (tương đương 30% lợi nhuận sau thuế 2014).
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.145.581.509 VND (tương đương 10% lợi nhuận sau thuế 2014)

Việc tạm phân phối lợi nhuận với giá trị là 11.491.815.093 VND nêu trên sẽ chính thức được Đại hội đồng cổ đông năm 2015 chính thức thông qua trong thời gian tới.

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2014</u>
	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.350.561
+ Cổ phiếu phổ thông	11.350.561
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.350.561
+ Cổ phiếu phổ thông	11.350.561
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Cổ phần nhà nước	101.250.000.000	75,00	85.129.211.238	75,00
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	31.434.400.000	23,28	26.429.488.175	23,28
Cổ đông khác	2.315.600.000	1,72	1.946.915.571	1,72
	<u>135.000.000.000</u>	<u>100,0</u>	<u>113.505.614.984</u>	<u>100,0</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU**

Từ 01/10/2013

Đến 31/12/2014

VND

**Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****105.342.872.888**

Trong đó:

- Doanh thu cung cấp nước

95.791.965.567

- Doanh thu lắp đặt đường ống

9.550.907.321

**Các khoản giảm trừ doanh thu****-****Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****105.342.872.888****21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Từ 01/10/2013

Đến 31/12/2014

VND

Giá vốn cung cấp nước

56.123.628.787

Giá vốn lắp đặt đường ống

10.293.944.627

**Cộng****66.417.573.414****22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Từ 01/10/2013

Đến 31/12/2014

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

23.488.948.022

Chi phí nhân công

22.874.573.432

Chi phí khấu hao tài sản cố định

24.475.645.842

Chi phí dịch vụ mua ngoài

6.124.330.501

Chi phí khác bằng tiền

7.568.269.771

**Cộng****84.531.767.568****23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Từ 01/10/2013

Đến 31/12/2014

VND

Lãi tiền gửi

554.094.032

**Cộng****554.094.032****24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Từ 01/10/2013

Đến 31/12/2014

VND

Lãi tiền vay

6.521.438.480

**Cộng****6.521.438.480**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Từ 01/10/2013**

**Đến 31/12/2014**

**VND**

<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>15.145.082.485</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.031.730.481
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>16.176.812.966</b>
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 25%	3.145.618.005
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 22%	13.031.194.961
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>3.653.267.392</u></b>

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHẦN**

**Từ 01/10/2013 đến**

**31/12/2014**

**VND**

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.491.815.093
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	11.350.561
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.012
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/10/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	91.548.076.838	104.581.455.582
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.499.819.453	1.829.830.804
Nợ thuần	87.048.257.385	102.751.624.778
Vốn chủ sở hữu	<u>127.562.299.782</u>	<u>122.870.179.736</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,68</u></b>	<b><u>0,84</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2014	01/10/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.499.819.453	1.829.830.804
Đầu tư tài chính	8.537.107.085	7.722.144.072
Phải thu khách hàng và phải thu khác	879.241.675	935.221.160
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.916.168.213</b>	<b>10.487.196.036</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ	91.548.076.838	104.581.455.582
Phải trả người bán và phải trả khác	29.724.327.484	19.534.183.053
Chi phí phải trả	1.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>122.272.404.322</b>	<b>124.115.638.635</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 2 đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.499.819.453	-	-	4.499.819.453
Đầu tư tài chính	8.537.107.085	-	-	8.537.107.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	879.241.675	-	-	879.241.675
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.916.168.213</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.916.168.213</b>
Vay và nợ	7.430.000.000	26.220.000.000	57.898.076.838	91.548.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	29.224.327.484	500.000.000	-	29.724.327.484
Chi phí phải trả	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.654.327.484</b>	<b>26.720.000.000</b>	<b>57.898.076.838</b>	<b>122.272.404.322</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(23.738.159.271)</b>	<b>(26.720.000.000)</b>	<b>(57.898.076.838)</b>	<b>(108.356.236.109)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/10/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.829.830.804	-	-	1.829.830.804
Đầu tư tài chính	7.422.144.072	300.000.000	-	7.722.144.072
Phải thu khách hàng và phải thu khác	935.221.160	-	-	935.221.160
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.187.196.036</b>	<b>300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.487.196.036</b>
Vay và nợ	13.033.378.744	27.220.000.000	64.328.076.838	104.581.455.582
Phải trả người bán và phải trả khác	19.034.183.053	500.000.000	-	19.534.183.053
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.067.561.797</b>	<b>27.720.000.000</b>	<b>64.328.076.838</b>	<b>124.115.638.635</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(21.880.365.761)</b>	<b>(27.420.000.000)</b>	<b>(64.328.076.838)</b>	<b>(113.628.442.599)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/10/2013 Đến 31/12/2014 VND
- Lương, thưởng	906.644.249
- Thù lao Hội đồng Quản trị	36.000.000

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An  
Tỉnh Long An

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/9/2013 đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An phê duyệt theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc chuyển Công ty sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013.



Phạm Quốc Thắng  
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Trung Cang	Thành viên
Ông Võ Quốc Lương	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Bà Giao Thị Yến	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Quốc Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Trung Cang	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**PHẠM QUỐC THẮNG**

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 12 tháng 5 năm 2016



SỐ: 058 /VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 5 năm 2016, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

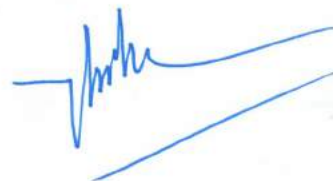
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 014/VACO/BCKT.HCM ngày 04/3/2016 do Công ty có bổ sung thêm tên người lập biểu trên Báo cáo tài chính kèm theo.



**Nguyễn Đức Tiên**  
**Giám đốc chi nhánh**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 12 tháng 5 năm 2016

**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2014-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.054.587.008</b>	<b>36.856.709.023</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.773.254.844</b>	<b>4.499.819.453</b>
1. Tiền	111	5	2.773.254.844	4.499.819.453
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>4.109.888.334</b>	<b>8.537.107.085</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.109.888.334	8.537.107.085
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.306.520.671</b>	<b>2.992.226.563</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.523.685.548	379.396.675
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	722.689.650	1.765.073.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	60.145.473	847.756.738
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>15.190.933.545</b>	<b>19.508.542.172</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.190.933.545	19.508.542.172
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>673.989.614</b>	<b>1.319.013.750</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	293.850.736
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		653.913.760	1.025.163.014
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	20.075.854	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>225.347.131.643</b>	<b>219.325.087.470</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>208.131.068.164</b>	<b>219.104.085.233</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	206.449.443.749	217.441.679.615
- Nguyên giá	222		344.005.290.932	335.051.945.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.555.847.183)	(117.610.265.669)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.681.624.415	1.662.405.618
- Nguyên giá	228		1.831.741.000	1.751.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(150.116.585)	(89.335.382)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>14.625.978.782</b>	<b>221.002.237</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.625.978.782	221.002.237
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.590.084.697</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.590.084.697	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>254.401.718.651</b>	<b>256.181.796.493</b>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>123.907.147.979</b>	<b>128.619.496.711</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.520.756.300</b>	<b>45.001.419.873</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	14.851.958.455	11.286.561.836
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.019.000	771.097.063
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.050.921.234	471.803.854
4. Phải trả người lao động	314		2.080.183.413	2.821.842.841
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.068.453.204	1.000.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.055.000.045	18.467.765.648
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	18	8.380.000.000	7.930.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.023.220.949	2.252.348.631
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>89.386.391.679</b>	<b>83.618.076.838</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	4.099.285.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	338	18	85.287.106.679	83.618.076.838
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>130.494.570.672</b>	<b>127.562.299.782</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>130.494.570.672</b>	<b>127.562.299.782</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	113.505.614.984
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	113.505.614.984
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.494.570.672	14.056.684.798
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm này	421b		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>254.401.718.651</b>	<b>256.181.796.493</b>



Phạm Quốc Thắng  
 Tổng Giám đốc  
 Long An, ngày 12 tháng 5 năm 2016

Nguyễn Quốc Phong  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		96.133.576.447	105.342.872.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01- 2)	10	20	96.133.576.447	105.342.872.888
4. Giá vốn hàng bán	11	21	60.804.707.436	66.417.573.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		35.328.869.011	38.925.299.474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	267.460.027	554.094.032
7. Chi phí tài chính	22	24	4.960.261.214	6.521.438.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.960.261.214	6.521.438.480
8. Chi phí bán hàng	25	25	4.174.253.379	4.398.910.037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	12.629.827.661	13.715.284.117
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.831.986.784	14.843.760.872
11. Thu nhập khác	31		468.826.323	496.103.443
12. Chi phí khác	32		284.787.323	194.781.830
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		184.039.000	301.321.613
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.016.025.784	15.145.082.485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.083.525.672	3.653.267.392
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		10.932.500.112	11.491.815.093
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	718	811



Phạm Quốc Thắng  
Tổng Giám đốc  
Long An, ngày 12 tháng 5 năm 2016

Nguyễn Quốc Phong  
Kê toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>14.016.025.784</b>	<b>15.145.082.485</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	20.006.362.717	24.475.645.842
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	267.460.027	554.094.032
- Chi phí lãi vay	6	4.960.261.214	6.521.438.480
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu</b>	<b>8</b>	<b>39.250.109.742</b>	<b>46.696.260.839</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(2.963.120.708)	(1.214.432.619)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.317.608.627	(7.495.942.451)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.064.922.011)	9.756.989.541
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.296.233.961)	494.166.666
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.960.261.214)	(6.521.438.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.503.322.568)	(4.599.752.420)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.004.177.123)	(2.185.941.454)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>20.775.680.784</b>	<b>34.929.909.622</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.438.322.193)	(17.857.485.184)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.114.963.013)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.427.218.751	300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(267.460.027)	(554.094.032)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(19.278.563.469)</b>	<b>(19.226.542.229)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(870.179.736)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	18.429.029.841	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.310.000.000)	(13.033.378.744)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.472.532.029)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.223.681.924)</b>	<b>(13.033.378.744)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.726.564.609)</b>	<b>2.669.988.649</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.499.819.453</b>	<b>1.829.830.804</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>2.773.254.844</b>	<b>4.499.819.453</b>



Phạm Quốc Thắng  
Tổng Giám đốc  
Long An, ngày 12 tháng 5 năm 2016

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 04 ngày 23/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2015 là 141 người (tại ngày 01/01/2015 là 126 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống thoát nước;
- Thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Dịch vụ khoan giếng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc, thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-45
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	05-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện đánh giá lại thời gian trích khấu hao của một số tài sản cố định là nhà cửa kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn; và thay đổi thời gian trích khấu hao cho giá trị còn lại của các tài sản đó từ 5 - 34 năm thành 2 - 17 năm. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao của các tài sản trên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 là 984.755.352 đồng (tăng chi phí khấu hao hơn so với năm 2014). Ban Tổng Giám đốc đánh giá việc thay đổi thời gian trích khấu hao này phản ánh đúng thời gian sử dụng hữu ích còn lại của các tài sản và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trọng tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	209.321.739	352.495.418
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.563.933.105	4.147.324.035
<b>Cộng</b>	<b>2.773.254.844</b>	<b>4.499.819.453</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	4.109.888.334	4.109.888.334	8.537.107.085	8.537.107.085
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.109.888.334	4.109.888.334	8.537.107.085	8.537.107.085

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ban quản lý dự án Công trình Giao thông tỉnh Long An	5.104.841.771	238.586.775
Khách hàng khác	418.843.777	140.809.900
<b>Cộng</b>	<b>5.523.685.548</b>	<b>379.396.675</b>

**8. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án Nhà máy nước Bảo Định giai đoạn I	695.189.650	619.989.650
Công trình ống D300 TL832 - An Nhứt Tân	-	865.000.000
Trả trước khác	27.500.000	280.083.500
<b>Cộng</b>	<b>722.689.650</b>	<b>1.765.073.150</b>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	60.145.473	-	847.756.738	-
Phải thu tiền cổ phần hóa	-	-	499.845.000	-
Tạm ứng	22.729.385	-	347.911.738	-
Phải thu ngắn hạn khác	37.416.088	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.145.473</b>	<b>-</b>	<b>847.756.738</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.190.933.545	-	19.508.542.172	-
<b>Cộng</b>	<b>15.190.933.545</b>	<b>-</b>	<b>19.508.542.172</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

a) Phải thu	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	20.075.854
Cộng	-	-	20.075.854	20.075.854

b) Phải nộp	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	74.794.000	74.794.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	299.539.210	3.083.525.672	2.503.322.568	879.742.314
Thuế thu nhập cá nhân	1.825.284	410.212.354	412.037.638	-
Thuế tài nguyên	170.439.360	2.073.619.200	2.072.879.640	171.178.920
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.267.202	6.267.202	-
Các loại thuế khác	-	11.606.100	11.606.100	-
Cộng	471.803.854	5.660.024.528	5.080.907.148	1.050.921.234

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2015	208.016.682.323	24.689.369.835	98.944.157.825	3.401.735.301	335.051.945.284
- Mua trong năm	-	190.880.000	-	-	190.880.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	8.762.465.648	-	8.762.465.648
Tại ngày 31/12/2015	208.016.682.323	24.880.249.835	107.706.623.473	3.401.735.301	344.005.290.932
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2015	66.457.654.413	10.487.566.313	39.221.680.235	1.443.364.708	117.610.265.669
- Khấu hao trong năm	12.926.313.667	2.194.328.698	4.579.661.524	245.277.625	19.945.581.514
Tại ngày 31/12/2015	79.383.968.080	12.681.895.011	43.801.341.759	1.688.642.333	137.555.847.183
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2015	141.559.027.910	14.201.803.522	59.722.477.590	1.958.370.593	217.441.679.615
Tại ngày 31/12/2015	128.632.714.243	12.198.354.824	63.905.281.714	1.713.092.968	206.449.443.749

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 17.861.963.433 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 16.069.456.079 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 18) với nguyên giá tại ngày 31/12/2015 là 26.949.890.999 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.477.835.000	273.906.000	1.751.741.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	80.000.000	80.000.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.477.835.000</u>	<u>353.906.000</u>	<u>1.831.741.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	89.335.382	89.335.382
- Khấu hao trong năm	-	60.781.203	60.781.203
Tại ngày 31/12/2015	-	<u>150.116.585</u>	<u>150.116.585</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2015	<u>1.477.835.000</u>	<u>184.570.618</u>	<u>1.662.405.618</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.477.835.000</u>	<u>203.789.415</u>	<u>1.681.624.415</u>

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An ; 239m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An –Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

**14. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Công trình lắp đặt ống D500 Tỉnh lộ 10	-	104.793.636
Công trình Mở rộng Quốc lộ 1A	1.419.106.031	4.489.091
Công trình giảm thất thoát mạng lưới tại thành phố Tân An	6.114.932.711	92.395.510
Công trình các hẻm đường Nguyễn Minh Đường	1.950.929.072	-
Công trình lắp đặt ống đường Nguyễn Văn Tiếp, phường 5, Tân An	1.668.044.403	-
Công trình lắp đặt đường ống 832 - Nhựt Chánh	1.630.984.545	-
Công trình khác	1.841.982.020	19.324.000
<b>Cộng</b>	<u>14.625.978.782</u>	<u>221.002.237</u>

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

Tại ngày 01/01/2015	221.002.237
Tăng trong năm	23.247.442.193
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(8.842.465.648)
Tại ngày 31/12/2015	<u>14.625.978.782</u>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Liên doanh Hóa Nhựa Đệ Nhất	4.828.472.880	4.176.832.440
Công ty Cổ phần Hawaco	2.749.794.300	1.733.570.300
Công ty TNHH Ha Đạt	2.781.459.400	1.012.816.200
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	2.369.665.534	1.006.250.036
Công ty TNHH Thương mại NTP	518.448.315	748.347.600
Phải trả người bán khác	1.604.118.026	2.608.745.260
<b>Cộng</b>	<u>14.851.958.455</u>	<u>11.286.561.836</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay	1.068.453.204	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.068.453.204</b>	<b>1.000.000.000</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	5.055.000.045	18.467.765.648
<i>a) Phải trả cổ tức cho bên liên quan</i>	<i>4.355.000.045</i>	<i>4.472.532.029</i>
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	1.122.105.028	1.066.597.696
Cổ đông khác	3.232.895.017	3.405.934.333
<i>b) Phải trả khác</i>	<i>700.000.000</i>	<i>13.995.233.619</i>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	30.000.000
Phải trả Sở tài chính tỉnh Long An	700.000.000	5.499.285.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	-	7.574.639.663
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	891.308.956
<b>Dài hạn</b>	<b>4.099.285.000</b>	-
Phải trả Sở tài chính tỉnh Long An	4.099.285.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.154.285.045</b>	<b>18.467.765.648</b>

**18. VAY VÀ NỢ**

	<u>31/12/2015</u>		<u>Trong năm</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>8.380.000.000</i>	<i>8.380.000.000</i>	<i>7.930.000.000</i>	<i>8.380.000.000</i>	<i>7.930.000.000</i>	<i>7.930.000.000</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An	1.950.000.000	1.950.000.000	1.500.000.000	1.950.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>b) Vay dài hạn</i>	<i>85.287.106.679</i>	<i>85.287.106.679</i>	<i>8.380.000.000</i>	<i>10.049.029.841</i>	<i>83.618.076.838</i>	<i>83.618.076.838</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (i)	77.188.076.838	77.188.076.838	6.430.000.000	-	83.618.076.838	83.618.076.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (ii)	8.099.029.841	8.099.029.841	1.950.000.000	10.049.029.841	-	-

(i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22 tháng 3 năm 2004, phụ lục số 01PL/TDNN.2006 ngày 31 tháng 3 năm 2006, phụ lục số 02PL/TDNN.2007 ngày 12 tháng 7 năm 2007 và phụ lục số 03/2010/HĐODA-NHPTVN năm 2010, với mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch.

(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển theo:

- Phụ lục hợp đồng vay số 03/PL.HĐTD.2015 ngày 03/04/2015 cho Hợp đồng vay số 16/2014.HĐTD ngày 08 tháng 10 năm 2014 với số tiền vay hạn mức là 4.328.000.000 đồng, với mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/HDTCTS-QDTPT ngày 08/10/2014. Tại ngày 31/12/2015, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 3.934.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay số 14/2015.HĐTD ngày 26 tháng 6 năm 2015 với số tiền vay hạn mức là 21.000.000.000 đồng, với mục đích vay để đầu tư xây dựng giảm thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư. Tại ngày 31/12/2015, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 6.115.029.841 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ (Tiếp theo)**

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2015</b>
	VND
Phải trả trong vòng 01 năm	8.380.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	33.819.029.841
Sau năm năm	51.468.076.838
<b>Cộng</b>	<b>93.667.106.679</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	8.380.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>85.287.106.679</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/10/2013</b>	<b>113.505.614.984</b>	<b>7.069.946.901</b>	<b>2.294.617.851</b>	-	<b>122.870.179.736</b>
Lãi /(lỗ) trong năm trước	-	-	-	11.491.815.093	11.491.815.093
Trích cổ tức trong năm	-	-	-	(4.472.532.029)	(4.472.532.029)
Trích quỹ trong năm	-	3.546.538.537	1.145.581.509	(6.983.283.064)	(2.291.163.018)
Thù lao HDQT và BKS	-	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>113.505.614.984</b>	<b>10.616.485.438</b>	<b>3.440.199.360</b>	-	<b>127.562.299.782</b>
Trình bày lại theo TT 200	-	3.440.199.360	(3.440.199.360)	-	-
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	-	10.932.500.112	10.932.500.112
Tăng vốn trong năm (i)	9.364.564.752	(9.364.564.752)	-	-	-
Trích quỹ trong năm (iii)	-	4.355.000.045	-	(6.532.500.067)	(2.177.500.022)
Trích cổ tức trong năm (iii)	-	-	-	(4.355.000.045)	(4.355.000.045)
Giảm trong năm (ii)	(870.179.736)	(552.549.419)	-	-	(1.422.729.155)
Thù lao HDQT và BKS (iii)	-	-	-	(45.000.000)	(45.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>8.494.570.672</b>	-	-	<b>130.494.570.672</b>

- (i) Tăng vốn trong năm là khoản phân loại lại từ Quỹ đầu tư phát triển sang Vốn góp của Chủ sở hữu theo Biên bản bàn giao tài sản giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Long An với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An ngày 30/3/2015.
- (ii) Giảm trong năm là khoản chuyển về cho Sở Tài chính theo biên bản bàn giao tài sản giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Long An với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An ngày 30/3/2015.
- (iii) Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận trong Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 09/4/2015, Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận với tổng giá trị là 10.932.500.112 VND như sau:
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 45.000.000 VND.
  - Chia cổ tức năm 2015: 4.355.000.045 VND (tương đương 40% lợi nhuận sau thuế năm 2015).
  - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.177.500.022 VND (tương đương 20% lợi nhuận sau thuế 2015).
  - Trích quỹ đầu tư phát triển: 4.355.000.045 VND (tương đương 40% lợi nhuận sau thuế 2015).

Việc tạm phân phối lợi nhuận với giá trị là 10.932.500.112 VND nêu trên sẽ chính thức được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 chính thức thông qua trong thời gian tới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	11.350.561
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	11.350.561
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	11.350.561
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	11.350.561
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<b>Theo Giấy chứng nhận</b>		<b>Vốn đã góp</b>	
	<b>Đầu tư (sửa đổi)</b>		<b>tại ngày 31/12/2015</b>	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước	88.250.000.000	72,34%	88.250.000.000	72,34%
Công ty Cổ phần Hạ tầng				
Nước Sài Gòn	31.434.400.000	25,77%	31.434.400.000	25,77%
Cổ đông khác	2.315.600.000	1,90%	2.315.600.000	1,90%
<b>Cộng</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**20. DOANH THU**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước	85.860.285.712	95.791.965.567
Doanh thu lắp đặt đường ống	10.273.290.735	9.550.907.321
<b>Cộng</b>	<b>96.133.576.447</b>	<b>105.342.872.888</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	50.395.683.774	56.123.628.787
Giá vốn lắp đặt đường ống	10.409.023.662	10.293.944.627
<b>Cộng</b>	<b>60.804.707.436</b>	<b>66.417.573.414</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.361.950.497	23.488.948.022
Chi phí nhân công	21.830.872.257	22.874.573.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.006.362.717	24.475.645.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.991.165.710	6.124.330.501
Chi phí khác bằng tiền	6.525.489.614	7.568.269.771
<b>Cộng</b>	<b>77.715.840.795</b>	<b>84.531.767.568</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	267.460.027	554.094.032
<b>Cộng</b>	<b>267.460.027</b>	<b>554.094.032</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.960.261.214	6.521.438.480
<b>Cộng</b>	<b>4.960.261.214</b>	<b>6.521.438.480</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	6.658.300.001	7.255.393.035
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.226.418	174.888.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.834.417	127.487.452
Các khoản chi phí QLDN khác	5.826.466.825	6.157.515.569
<b>Cộng</b>	<b>12.629.827.661</b>	<b>13.715.284.117</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	2.919.895.652	3.465.926.939
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.254.357.727	932.983.098
<b>Cộng</b>	<b>4.174.253.379</b>	<b>4.398.910.037</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	3.083.525.672	3.653.267.392
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.083.525.672</b>	<b>3.653.267.392</b>

Chi tiết phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>14.016.025.784</b>	<b>15.145.082.485</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	1.031.730.481
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>14.016.025.784</b>	<b>16.176.812.966</b>
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 25%	-	3.145.618.005
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 22%	14.016.025.784	13.031.194.961
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.083.525.672</b>	<b>3.653.267.392</b>

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	10.932.500.112	11.491.815.093
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	2.177.500.022	2.291.163.018
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8.755.000.090</b>	<b>9.200.652.075</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	11.350.561
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	718	811

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận trong Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 09/4/2015 là 20% lợi nhuận sau thuế của 2015.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	93.667.106.679	91.548.076.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.773.254.844	4.499.819.453
Nợ thuần	90.893.851.835	87.048.257.385
Vốn chủ sở hữu	130.494.570.672	127.562.299.782
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,70</b>	<b>0,68</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.773.254.844	4.499.819.453	2.773.254.844	4.499.819.453
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.561.101.636	879.241.675	5.561.101.636	879.241.675
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.109.888.334	8.537.107.085	4.109.888.334	8.537.107.085
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.444.244.814</b>	<b>13.916.168.213</b>	<b>12.444.244.814</b>	<b>13.916.168.213</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	93.667.106.679	91.548.076.838	93.667.106.679	91.548.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	24.006.243.500	29.724.327.484	24.006.243.500	29.724.327.484
Chi phí phải trả	1.068.453.204	1.000.000.000	1.068.453.204	1.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.741.803.383</b>	<b>122.272.404.322</b>	<b>118.741.803.383</b>	<b>122.272.404.322</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.773.254.844	-	-	2.773.254.844
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.561.101.636	-	-	5.561.101.636
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.109.888.334	-	-	4.109.888.334
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.444.244.814</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.444.244.814</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>				
Các khoản vay	8.380.000.000	33.819.029.841	51.468.076.838	93.667.106.679
Phải trả người bán và phải trả khác	19.906.958.500	2.800.000.000	1.299.285.000	24.006.243.500
Chi phí phải trả	1.068.453.204	-	-	1.068.453.204
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.355.411.704</b>	<b>36.619.029.841</b>	<b>52.767.361.838</b>	<b>118.741.803.383</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(16.911.166.890)</b>	<b>(36.619.029.841)</b>	<b>(52.767.361.838)</b>	<b>(106.297.558.569)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.499.819.453	-	-	4.499.819.453
Phải thu khách hàng và phải thu khác	879.241.675	-	-	879.241.675
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.537.107.085	-	-	8.537.107.085
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.916.168.213</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.916.168.213</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>				
Các khoản vay	7.430.000.000	26.220.000.000	57.898.076.838	91.548.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	29.724.327.484	-	-	29.724.327.484
Chi phí phải trả	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.154.327.484</b>	<b>26.220.000.000</b>	<b>57.898.076.838</b>	<b>122.272.404.322</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(24.238.159.271)</b>	<b>(26.220.000.000)</b>	<b>(57.898.076.838)</b>	<b>(108.356.236.109)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan như sau:

*Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lương, thưởng	1.011.000.000	906.644.249
Thù lao hội đồng quản trị	45.000.000	36.000.000

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của năm tài chính trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.



Phạm Quốc Thắng  
Tổng Giám đốc  
Long An, ngày 12 tháng 5 năm 2016

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016**

---

Tháng 8 năm 2016



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 23

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Trung Cang	Thành viên
Ông Võ Quốc Lương	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2016)
Bà Giao Thị Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2016)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Quốc Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2016)
Ông Võ Trung Cang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2016)
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2016)

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**VÕ TRUNG CANG**

Tổng Giám đốc

Long An, ngày 05 tháng 08 năm 2016





Số: 084/VACO/BCSX.HCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05/08/2016, từ trang 03 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Đức Tiên**  
**Giám đốc chi nhánh**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 05 tháng 08 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

MẪU SỐ B 01a-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40.810.862.311</b>	<b>29.054.587.008</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.117.825.102</b>	<b>2.773.254.844</b>
1. Tiền	111		7.676.579.046	2.773.254.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.441.246.056	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>4.109.888.334</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.109.888.334
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.325.885.532</b>	<b>6.306.520.671</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.600.221.062	5.523.685.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	929.423.257	722.689.650
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	796.241.213	60.145.473
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>14.962.451.700</b>	<b>15.190.933.545</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.962.451.700	15.190.933.545
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.404.699.977</b>	<b>673.989.614</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		831.773.181	653.913.760
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	572.926.796	20.075.854
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>232.450.348.051</b>	<b>225.347.131.643</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>210.416.467.334</b>	<b>208.131.068.164</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	208.766.233.521	206.449.443.749
- Nguyên giá	222		355.842.296.075	344.005.290.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.076.062.554)	(137.555.847.183)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.650.233.813	1.681.624.415
- Nguyên giá	228		1.831.741.000	1.831.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(181.507.187)	(150.116.585)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.147.463.771</b>	<b>14.625.978.782</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	20.147.463.771	14.625.978.782
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.886.416.946</b>	<b>2.590.084.697</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.886.416.946	2.590.084.697
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>273.261.210.362</b>	<b>254.401.718.651</b>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016**

MẪU SỐ B 01a-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>127.861.404.451</b>	<b>123.907.147.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.380.042.613</b>	<b>34.520.756.300</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.585.506.439	14.851.958.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		362.609.107	11.019.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	190.598.760	1.050.921.234
4. Phải trả người lao động	314		3.214.218.625	2.080.183.413
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.016.205.554	1.068.453.204
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	732.734.598	5.055.000.045
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	17	8.155.000.000	8.380.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	2.123.169.530	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	2.023.220.949
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.481.361.838</b>	<b>89.386.391.679</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	3.749.285.000	4.099.285.000
2. Vay và nợ dài hạn	338	17	96.732.076.838	85.287.106.679
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>145.399.805.911</b>	<b>130.494.570.672</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>145.399.805.911</b>	<b>130.494.570.672</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.849.570.717	8.494.570.672
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.550.235.194	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.550.235.194	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>273.261.210.362</b>	<b>254.401.718.651</b>



**Võ Trung Cang**  
**Tổng Giám đốc**  
 Long An, ngày 05 tháng 08 năm 2016

**Nguyễn Quốc Phong**  
**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Kim Hương**  
**Người lập biểu**

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho năm kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016

MẪU SỐ B 02a-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		57.851.461.947	50.495.032.372
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01- 02)	10	20	57.851.461.947	50.495.032.372
4. Giá vốn hàng bán	11	21	34.452.898.581	32.554.241.689
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		23.398.563.366	17.940.790.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	63.733.844	164.482.310
7. Chi phí tài chính	22	24	2.545.140.270	2.277.676.382
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.545.140.270	2.277.676.382
8. Chi phí bán hàng	25	25	3.089.864.845	1.879.979.763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	6.365.001.872	6.492.518.365
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.462.290.223	7.455.098.483
11. Thu nhập khác	31		271.298.326	227.593.815
12. Chi phí khác	32		1.105.000	131.291.823
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		270.193.326	96.301.992
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.732.483.549	7.551.400.475
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.173.248.355	1.661.308.105
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		10.559.235.194	5.890.092.370
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	866	483



**Võ Trung Cang**  
 Tổng Giám đốc  
 Long An, ngày 05 tháng 08 năm 2016

**Nguyễn Quốc Phong**  
 Kế toán trưởng

**Trần Thị Kim Hương**  
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

5468  
 CHỈ PHỐI  
 CỒN  
 H NHIỆM  
 KIỂM  
 VA  
 NH-



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/6/2016

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	11.732.483.549	7.551.400.475
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	10.251.605.973	10.654.882.455
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(96.011.117)	164.482.310
- Chi phí lãi vay	6	2.545.140.270	6.521.438.480
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu động	8	24.433.218.675	24.892.203.720
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(2.750.075.224)	(2.479.250.256)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	228.481.845	4.584.343.304
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.007.125.019)	(6.914.820.348)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	703.667.751	101.022.922
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.597.387.920)	(6.521.438.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.052.990.669)	(803.322.568)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.032.220.949)	(2.976.177.123)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.925.568.490</b>	<b>9.882.561.171</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.006.867.842)	(12.163.530.583)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	32.277.273	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.109.888.334	4.511.526.302
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	63.733.844	(164.482.310)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.800.968.391)</b>	<b>(7.816.486.591)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(870.179.736)
2. Tiền thu từ đi vay	33	14.884.970.159	4.328.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.665.000.000)	(3.715.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>11.219.970.159</b>	<b>(257.179.736)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>13.344.570.258</b>	<b>1.808.894.844</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.773.254.844</b>	<b>4.499.819.453</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>16.117.825.102</b>	<b>6.308.714.297</b>



Võ Trung Cang  
Tổng Giám đốc  
Long An, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 05 ngày 30/6/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/6/2016 là 150 người (tại ngày 01/01/2016 là 141 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống thoát nước;
- Thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Dịch vụ khoan giếng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (tiếp theo)**

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc, thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04-45
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	05-10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 3 năm.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.



**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Tổng cục thuế Cục thuế tỉnh Long An, Ngành nghề của công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định tại khoản 3, điều 19, thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	738.844.977	209.321.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.937.734.069	2.563.933.105
Các khoản tương đương tiền	8.441.246.056	-
<b>Cộng</b>	<b><u>16.117.825.102</u></b>	<b><u>2.773.254.844</u></b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	-	-	4.109.888.334	4.109.888.334
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	4.109.888.334	4.109.888.334

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ban quản lý dự án Công trình Giao thông tỉnh Long An	6.400.610.662	5.104.841.771
Khách hàng khác	199.610.400	418.843.777
<b>Cộng</b>	<b><u>6.600.221.062</u></b>	<b><u>5.523.685.548</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Dự án Nhà máy nước Bảo Định giai đoạn 1	695.189.650	695.189.650
Công trình : CT sửa chữa nâng cấp giếng G8 - XNTA (DUCHANH)	200.000.000	-
Trả trước khác	34.233.607	27.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>929.423.257</u></b>	<b><u>722.689.650</u></b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	796.241.213	-	60.145.473	-
Tạm ứng	308.972.532	-	22.729.385	-
Phải thu ngắn hạn khác	487.268.681	-	37.416.088	-
<b>Cộng</b>	<b><u>796.241.213</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>60.145.473</u></b>	<b><u>-</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.962.451.700	-	15.190.933.545	-
<b>Cộng</b>	<b><u>14.962.451.700</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.190.933.545</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

a) Phải thu	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2016
Thuế thu nhập cá nhân	20.075.854	352.610.384	578.709.681	246.175.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	326.751.645	326.751.645
<b>Cộng</b>	<b>20.075.854</b>	<b>352.610.384</b>	<b>905.461.326</b>	<b>572.926.796</b>

b) Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2016
		VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	879.742.314	1.173.248.355	2.052.990.669	-
Thuế tài nguyên	171.178.920	1.102.665.120	1.083.245.280	190.598.760
<b>Cộng</b>	<b>1.050.921.234</b>	<b>2.275.913.475</b>	<b>3.136.235.949</b>	<b>190.598.760</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2016	208.016.682.323	24.880.249.835	107.706.623.473	3.401.735.301	344.005.290.932
- Mua trong kỳ	-	-	-	282.727.273	282.727.273
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.040.225.809	-	10.214.052.061	-	12.254.277.870
- Thanh lý, nhượng bán	(700.000.000)	-	-	-	(700.000.000)
Tại ngày 30/6/2016	<b>209.356.908.132</b>	<b>24.880.249.835</b>	<b>117.920.675.534</b>	<b>3.684.462.574</b>	<b>355.842.296.075</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2016	79.383.968.080	12.681.895.011	43.801.341.759	1.688.642.333	137.555.847.183
- Khấu hao trong kỳ	6.416.866.198	1.094.658.684	2.585.217.696	123.472.793	10.220.215.371
- Thanh lý, nhượng bán	(700.000.000)	-	-	-	(700.000.000)
Tại ngày 30/6/2016	<b>85.100.834.278</b>	<b>13.776.553.695</b>	<b>46.386.559.455</b>	<b>1.812.115.126</b>	<b>147.076.062.554</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2016	<b>128.632.714.243</b>	<b>12.198.354.824</b>	<b>63.905.281.714</b>	<b>1.713.092.968</b>	<b>206.449.443.749</b>
Tại ngày 30/6/2016	<b>124.256.073.854</b>	<b>11.103.696.140</b>	<b>71.534.116.079</b>	<b>1.872.347.448</b>	<b>208.766.233.521</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.866.963.433 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17.566.963.433 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 18) với nguyên giá tại ngày 30/6/2016 là 26.949.890.999 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	1.477.835.000	353.906.000	1.831.741.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	1.477.835.000	353.906.000	1.831.741.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	-	150.116.585	150.116.585
- Khấu hao trong kỳ	-	31.390.602	31.390.602
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	-	181.507.187	181.507.187
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	1.477.835.000	203.789.415	1.681.624.415
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	1.477.835.000	172.398.813	1.650.233.813

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An ; 239m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An – Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Công trình Mở rộng Quốc lộ 1A	-	1.419.106.031
Công trình giám sát thoát mạng lưới tại thành phố Tân An	19.868.120.256	6.114.932.711
Công trình các hẻm đường Nguyễn Minh Đường	-	1.950.929.072
Công trình lắp đặt ống đường Nguyễn Văn Tiếp, phường 5, Tân An	-	1.668.044.403
Công trình lắp đặt đường ống 832 - Nhựt Chánh	-	1.630.984.545
Công trình khác	279.343.515	1.841.982.020
<b>Cộng</b>	<u>20.147.463.771</u>	<u>14.625.978.782</u>

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ:

Tại ngày 01/01/2016	14.625.978.782
Tăng trong năm	18.795.164.720
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(12.537.005.143)
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(736.674.588)
<b>Tại ngày 30/6/2016</b>	<u>20.147.463.771</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An

Tỉnh Long An

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>11.585.506.439</b>	<b>11.585.506.439</b>	<b>14.851.958.455</b>	<b>14.851.958.455</b>
Công ty Liên doanh Hóa Nhựa Đệ Nhất	2.748.952.140	2.748.952.140	4.828.472.880	4.828.472.880
Công ty Cổ phần Hawaco	880.000.000	880.000.000	2.749.794.300	2.749.794.300
Công ty TNHH Ha Đạt	2.056.635.300	2.056.635.300	2.781.459.400	2.781.459.400
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	2.565.240.329	2.565.240.329	2.369.665.534	2.369.665.534
Công ty TNHH Thương mại NTP	884.653.000	884.653.000	518.448.315	518.448.315
Phải trả người bán khác	2.450.025.670	2.450.025.670	1.604.118.026	1.604.118.026

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí lãi vay	1.016.205.554	1.068.453.204
<b>Cộng</b>	<b>1.016.205.554</b>	<b>1.068.453.204</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>732.734.598</b>	<b>5.055.000.045</b>
<i>a) Phải trả cổ tức cho bên liên quan</i>	-	4.355.000.045
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	1.122.105.028
Cổ đông khác	-	3.232.895.017
<i>b) Phải trả khác</i>	732.734.598	700.000.000
Kinh phí công đoàn	32.500.400	-
Bảo hiểm xã hội	234.198	-
Phải trả Sở tài chính tỉnh Long An	700.000.000	700.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>3.749.285.000</b>	<b>4.099.285.000</b>
Phải trả Sở tài chính tỉnh Long An	3.749.285.000	4.099.285.000
<b>Cộng</b>	<b>4.482.019.598</b>	<b>9.154.285.045</b>

**17. VAY VÀ NỢ**

	30/6/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<i>a) Vay dài hạn đến hạn trả</i>	8.155.000.000	8.155.000.000	3.665.000.000	3.440.000.000	8.380.000.000	8.380.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	3.440.000.000	3.440.000.000	3.215.000.000	225.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An	4.715.000.000	4.715.000.000	450.000.000	3.215.000.000	1.950.000.000	1.950.000.000
<i>b) Vay dài hạn</i>	96.732.076.838	96.732.076.838	3.440.000.000	14.884.970.159	85.287.106.679	85.287.106.679
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (i)	76.963.076.838	76.963.076.838	225.000.000	-	77.188.076.838	77.188.076.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (ii)	19.769.000.000	19.769.000.000	3.215.000.000	14.884.970.159	8.099.029.841	8.099.029.841



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22 tháng 3 năm 2004, phụ lục số 01PL/TDNN.2006 ngày 31/3/2006, phụ lục số 02PL/TDNN.2007 ngày 12 tháng 7 năm 2007 và phụ lục số 03/2010/HĐODA-NHPTVN năm 2010, với mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay là 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch. Tại 30/6/2016 giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 80.493.076.838 đồng.
- (ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển theo:
- Phụ lục hợp đồng vay số 03/PL.HĐTD.2015 ngày 03/4/2015 cho Hợp đồng vay số 16/2014.HĐTD ngày 08/10/2014 với số tiền vay hạn mức là 4.328.000.000 đồng, với mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/HDTCTS-QDTPT ngày 08/10/2014. Tại ngày 30/6/2016, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 3.484.000.000 đồng.
  - Hợp đồng vay số 14/2015.HĐTD ngày 26/6/2015 với số tiền vay hạn mức là 21.000.000.000 đồng, với mục đích vay để đầu tư xây dựng giám thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư. Tại ngày 30/6/2016, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 21.000.000.000 đồng.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>30/6/2016</b>
	VND
Phải trả trong một năm	8.155.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	47.634.000.000
Sau năm năm	49.098.076.838
<b>Cộng</b>	<b>104.887.076.838</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	8.155.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>96.732.076.838</b>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả là chi phí sửa chữa lớn của những TSCĐ đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, Công ty trích trước chi phí sửa chữa dựa vào dự toán kế hoạch đầu năm.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	113.505.614.984	10.616.485.438	3.440.199.360	-	127.562.299.782
Trình bày lại theo TT 200	-	3.440.199.360	(3.440.199.360)	-	-
Tăng vốn trong năm	9.364.564.752	(9.364.564.752)	-	-	-
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	-	10.932.500.112	10.932.500.112
Trích cổ tức trong năm	-	-	-	(4.355.000.045)	(4.355.000.045)
Trích quỹ trong năm	-	4.355.000.045	-	(6.532.500.067)	(2.177.500.022)
Giảm trong năm	(870.179.736)	(552.549.419)	-	-	(1.422.729.155)
Thù lao HDQT và BKS	-	-	-	(45.000.000)	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>8.494.570.672</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>130.494.570.672</b>
Lãi /(lỗ) trong kỳ	-	-	-	10.559.235.194	10.559.235.194
Trích quỹ trong kỳ (i)	-	4.355.000.045	-	-	4.355.000.045
Thù lao HDQT và BKS	-	-	-	(9.000.000)	(9.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>12.849.570.717</b>	<b>-</b>	<b>10.550.235.194</b>	<b>145.399.805.911</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Theo nghị quyết phân phối lợi nhuận trong Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2016 ngày 28/6/2016, Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

- Không chia cổ tức năm 2015 số tiền là: 4.355.000.045 VND, để lại bổ sung Quỹ đầu tư phát triển để tái đầu tư xây dựng cơ bản mở rộng mạng lưới cấp nước phục vụ cho sản xuất kinh doanh (trương đương 40% lợi nhuận sau thuế năm 2015).

<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<b>Theo Giấy chứng nhận</b>		<b>Vốn đã góp</b>	
	<b>Đầu tư (sửa đổi)</b>		<b>tại ngày 30/6/2016</b>	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước	88.250.000.000	72,34%	88.250.000.000	72,34%
Công ty Cổ phần Hạ tầng				
Nước Sài Gòn	31.434.400.000	25,77%	31.434.400.000	25,77%
Cổ đông khác	2.315.600.000	1,90%	2.315.600.000	1,90%
<b>Cộng</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**20. DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015</b>
	<b>đến 30/6/2016</b>	<b>đến 30/6/2015</b>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước	52.142.162.482	42.559.643.854
Doanh thu lắp đặt đường ống	5.709.299.465	7.935.388.518
<b>Cộng</b>	<b>57.851.461.947</b>	<b>50.495.032.372</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015</b>
	<b>đến 30/6/2016</b>	<b>đến 30/6/2015</b>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	31.789.202.664	23.754.262.366
Giá vốn lắp đặt đường ống	2.663.695.917	8.799.979.323
<b>Cộng</b>	<b>34.452.898.581</b>	<b>32.554.241.689</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.197.704.796	7.157.491.884
Chi phí nhân công	11.616.615.931	10.844.090.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.251.605.973	10.654.882.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.557.144.176	1.399.551.137
Chi phí khác bằng tiền	3.700.558.039	2.131.172.981
<b>Cộng</b>	<b><u>42.323.628.915</u></b>	<b><u>32.187.189.107</u></b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.733.844	164.482.310
<b>Cộng</b>	<b><u>63.733.844</u></b>	<b><u>164.482.310</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.545.140.270	2.277.676.382
<b>Cộng</b>	<b><u>2.545.140.270</u></b>	<b><u>2.277.676.382</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	2.925.830.177	3.347.162.264
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.585.488	23.223.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.087.170	53.522.046
Thuế, phí, lệ phí	1.114.272.643	1.055.817.502
Các khoản chi phí QLDN khác	2.237.226.394	2.012.792.834
<b>Cộng</b>	<b><u>6.365.001.872</u></b>	<b><u>6.492.518.365</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	2.010.905.026	1.463.094.193
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.078.959.819	416.885.570
<b>Cộng</b>	<b><u>3.089.864.845</u></b>	<b><u>1.879.979.763</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	2.346.496.710	1.661.308.105
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.346.496.710</b>	<b>1.661.308.105</b>
Chi tiết phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:		
	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>11.732.483.549</b>	<b>7.551.400.475</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.732.483.549</b>	<b>7.551.400.475</b>
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 22%	-	7.551.400.475
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 10%	11.732.483.549	-
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.173.248.355</b>	<b>1.661.308.105</b>

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa, mức thuế suất này được công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	10.559.235.194	5.890.092.370
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>10.559.235.194</b>	<b>5.890.092.370</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của		
cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	865,51	482,79



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản vay	104.887.076.838	93.667.106.679
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	16.117.825.102	2.773.254.844
Nợ thuần	88.769.251.736	90.893.851.835
Vốn chủ sở hữu	<u>145.399.805.911</u>	<u>130.494.570.672</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,61</u></b>	<b><u>0,70</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.117.825.102	2.773.254.844
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.087.489.743	5.523.685.548
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	4.109.888.334
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>23.205.314.845</u></b>	<b><u>12.406.828.726</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	104.887.076.838	93.667.106.679
Phải trả người bán và phải trả khác	16.067.526.037	24.006.243.500
Chi phí phải trả	1.016.205.554	1.068.453.204
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>121.970.808.429</u></b>	<b><u>118.741.803.383</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 30/6/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.117.825.102	-	-	16.117.825.102
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.087.489.743	-	-	7.087.489.743
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.205.314.845</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.205.314.845</b>
<b>Tại 30/6/2016</b>				
Các khoản vay	8.155.000.000	47.634.000.000	49.098.076.838	104.887.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	12.318.241.037	2.800.000.000	949.285.000	16.067.526.037
Chi phí phải trả	1.016.205.554	-	-	1.016.205.554
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.489.446.591</b>	<b>50.434.000.000</b>	<b>50.047.361.838</b>	<b>121.970.808.429</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.715.868.254</b>	<b>(50.434.000.000)</b>	<b>(50.047.361.838)</b>	<b>(98.765.493.584)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.773.254.844	-	-	2.773.254.844
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.523.685.548	-	-	5.523.685.548
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.109.888.334	-	-	4.109.888.334
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.406.828.726</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.406.828.726</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Các khoản vay	9.549.029.841	26.220.000.000	57.898.076.838	93.667.106.679
Phải trả người bán và phải trả khác	19.906.958.500	4.099.285.000	-	24.006.243.500
Chi phí phải trả	1.068.453.204	-	-	1.068.453.204
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.524.441.545</b>	<b>30.319.285.000</b>	<b>57.898.076.838</b>	<b>118.741.803.383</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(18.117.612.819)</b>	<b>(30.319.285.000)</b>	<b>(57.898.076.838)</b>	<b>(106.334.974.657)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 16 trong năm, Công ty còn có các giao dịch sau với bên liên quan:

**Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Lương, thưởng	240.000.000	384.000.000
Thù lao hội đồng quản trị	9.000.000	18.000.000



Võ Trung Cang  
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

